

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-5-2023

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con,
chia tài sản chung giữa bà T với ông
C”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên và bà Phan Hoàng Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Khuru Huỳnh Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 149/2023/QĐXXST-HN ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Ngọc T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 11 Cao Thắng, khóm B 1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Trung C, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 11 Cao Thắng, khóm B 1, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư Trần Tiến Vinh – Luật sư của Văn phòng Luật sư Tiến Vinh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

Địa chỉ: 26 Tôn Đức Thắng, phường Mỹ Bình, thành phố L, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình hòa giải nguyên đơn bà Lương Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà tự nguyện quen biết tìm hiểu sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 154, năm 2011.

Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, do ông C ngoại tình, bạo lực gia đình, khủng bố tinh thần, bà không chịu nổi nữa nên mới đổ vỡ hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt. Nay yêu cầu ly hôn với ông Trần Trung C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lương Trung Kiên, sinh ngày 09/09/2014 và Trần Trung Lương, sinh ngày 30/04/2019, hiện các cháu đang chung sống với bà T và ông C tại nhà chung, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông bà tạo lập được khối tài sản chung là căn nhà cấp 3A, diện tích sàn 114,6m², gắn liền diện tích đất 56,8m², thửa số 325, tờ bản đồ số 42, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số CH03600 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 01/01/2013 cho ông Trần Trung C và bà Lương Ngọc T đứng tên. Bà yêu cầu chia mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Trung C trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 03/02/2023 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của Lương Ngọc T về quá trình đi đến hôn nhân, mâu thuẫn gia đình, đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Lương Ngọc T.

Về con chung: Có 02 con chung như bà T trình bày, tùy theo nguyện vọng của con, con muốn sống với ai thì người đó nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khi nào có ý kiến của con thì ông sẽ có ý kiến về cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung: Ông sẽ gửi đơn yêu cầu chia tài sản sau.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Tờ tự khai ngày 13/4/2023 ông C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý yêu cầu ly hôn của bà Lương Ngọc T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lương Trung Kiên và Trần Trung Lương. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiên, do ông là người đưa, rước cháu đi học hằng ngày. Đối với cháu Lương ông C đồng ý giao cháu Lương cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con và ông cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Các phần khác thì ông C trình bày cũng như nội dung Biên bản hòa giải ngày 03/02/2023.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lương Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông C.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kiên và cháu Lương.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà yêu cầu cấp dưỡng nuôi các cháu mỗi tháng 1.450.000 đồng/1cháu, 02 cháu là 2.900.000 đồng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về quan hệ tài sản chung: Rút yêu cầu chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt phiên tòa ngày 09/5/2023 và phiên tòa tiếp theo (nếu có). Không trình bày ý kiến bổ sung.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông C phát biểu ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Các bên đã thống nhất ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Từ nhỏ đến lớn cháu Kiên và cháu Lương đều do ông C trực tiếp đưa, rước đi học; T nhập của ông C cao hơn T nhập của bà T và các cháu là con trai nên giao cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Mặc dù, cháu Kiên có nguyện vọng được chung sống với mẹ, nhưng cháu Kiên còn nhỏ chưa đủ hiểu biết để nhận thức đầy đủ vấn đề. Từ các cơ sở nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho bà Lương Ngọc T ly hôn ông Trần Trung C.

- Về con chung: Tại Tờ tự khai ngày 13/4/2023 thì ông C đồng ý giao cháu Lương cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lương và cháu Kiên, cháu Kiên thì có nguyện vọng được sống chung với bà T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Kiên và cháu Lương cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi các cháu mỗi tháng 1.450.000 đồng/1 cháu. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên việc bà T yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thấp hơn nửa tháng lương cơ sở là phù hợp quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về quan hệ tài sản chung: Do nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Photo chứng minh nhân dân tên C, T; bản sao Giấy khai sinh của Kiên, Lương; bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; photo sổ hộ khẩu; Đơn yêu cầu chia tài sản chung của bà T, Đơn rút yêu cầu chia tài sản chung của bà T; Đơn xin xét xử vắng mặt của ông C....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

[1.4] Đối với việc thu thập chứng cứ: Thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử các đương sự đã nộp đầy đủ chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Tòa án, nhận thấy đã thu thập chứng cứ đầy đủ, đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Việc ông C cung cấp tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa là

nhằm mục đích gây khó khăn, kéo dài việc xét xử, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận chứng cứ mà ông C cung cấp tại phiên tòa để làm căn cứ giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ khác trong hồ sơ và kết quả tranh tụng để xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 154, năm 2011, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, ông C đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án mở các phiên hòa giải để hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng không thành, các đương sự thống nhất ly hôn, ông C nhiều lần không tham gia hòa giải, xét xử, ông C để mặc cho bà T tự giải quyết mối quan hệ hôn nhân và con chung. Xét, mối quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, sống chung với nhau, nhưng ông bà không còn yêu thương nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, ông bà đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Lương Trung Kiên và Trần Trung Lương, hiện các cháu đang chung sống với bà T và ông C tại nhà riêng của ông bà.

Đối với cháu Lương ông bà đều thống nhất giao cháu Lương cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Lương cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với cháu Kiên các ông bà đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiên. Hội đồng xét xử xét thấy: Lần thứ nhất ngày 29/12/2022 tại Trung tâm Hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố L, Hòa giải viên lấy ý kiến của cháu Kiên, cháu Kiên có nguyện vọng được chung sống với bà T, thời điểm này không có mặt ông C. Tại Biên bản hòa giải ngày 03/02/2023 ông C trình bày tùy nguyện vọng của con, con muốn sống chung với ai thì người đó nuôi. Tòa án đã tạo điều kiện để cho cháu Kiên được thể hiện nguyện vọng của mình trước mặt ba và mẹ của cháu, mặc dù cháu rất áp lực trước mặt ba và mẹ, tuy nhiên cháu vẫn thể hiện chính kiến của mình là muốn được chung sống với mẹ. Xét nguyện vọng của cháu Kiên, yêu cầu của bà T, lời trình bày của ông C

tại Biên bản hòa giải ngày 03/02/2023, bảng thanh toán tiền lương tháng 02 của ông C, bà T (bút lục 35), đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các cháu, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Kiên cho bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Trần Trung C không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Bà Lương Ngọc T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trần Trung C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Do đó, bà T yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.450.000 đồng/tháng, yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 82, Điều 107 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Trần Trung C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Kiên và cháu Lương mỗi cháu 1.450.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Vì lợi ích của trẻ em, khi cần thiết, người trực tiếp nuôi con có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung: Bà T đã rút yêu cầu chia tài sản chung, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

[2.5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà Lương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T số 0001211 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Bà Lương Ngọc T được nhận lại 27.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo Biên lai T số 0001439 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Ông Trần Trung C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 482 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lương Ngọc T. Bà Lương Ngọc T được ly hôn ông Trần Trung C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 154, năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, cấp cho bà Lương Ngọc T và ông Trần Trung C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

2.1. Bà Lương Ngọc T và ông Trần Trung C có 02 con chung tên Trần Lương Trung Kiên, sinh ngày 09/09/2014 và Trần Trung Lương, sinh ngày 30/04/2019. Hiện 02 cháu đang chung sống với bà T và ông C tại nhà riêng của ông bà.

2.2. Giao 02 con chung tên Trần Lương Trung Kiên, sinh ngày 09/09/2014 và Trần Trung Lương, sinh ngày 30/04/2019 cho bà Lương Ngọc T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Trần Trung C không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Bà Lương Ngọc T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Trần Trung C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của trẻ em theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Trung C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lương Trung Kiên, sinh ngày 09/09/2014 và Trần Trung Lương, sinh ngày 30/04/2019, mỗi cháu 1.450.000 đồng/tháng (02 cháu là 2.900.000 đồng/tháng), thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Vì lợi ích của trẻ em, khi cần thiết, người trực tiếp nuôi con có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quan hệ tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí:

Bà Lương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T số 0001211 ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Bà Lương Ngọc T được nhận lại 27.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo Biên lai T số 0001439 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

Ông Trần Trung C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con).

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- UBND xã Bình Mỹ, Châu Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Nguyên Phan Hoàng Mai

Lê Thị Hồng Thi

